TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 788/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 910/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Người yêu cầu: Anh Lê Quang L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 5/32 đường C, phường L, thành phố H.

2. Người yêu cầu: Chị Huỳnh Thị Thúy P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 5/32 đường C, phường L, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố H vào ngày 07/4/2006 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng sâu sắc. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên cùng tự nguyện thỏa thuận yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 09/9/2006, cháu Lê Huỳnh Bảo V, sinh ngày 09/08/2012. Hai bên thỏa thuận giao cả 02 cháu Bảo Ch Bảo V cho chị Phượng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai số 0001197 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P.

- Về con chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Huỳnh Bảo Ch, sinh ngày 09/9/2006, cháu Lê Huỳnh Bảo V, sinh ngày 09/08/2012. Hai bên thỏa thuận giao cả 02 cháu Bảo Ch, Bảo V cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/1 tháng/1 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Quang L và chị Huỳnh Thị Thúy P mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí, được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai số 0001197 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường X, TP Huế (ĐKKH số 26, ngày 07/4/2006);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú